

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của UBND xã Tam Xuân)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	50.519.487.000	264.168.219.028	213.648.732.028	522,90
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI				
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	50.519.487.000	226.735.113.901	176.215.626.901	448,81
	Trong đó:				
I	Chi đầu tư phát triển	18.477.000.000	25.839.362.025	7.362.362.025	139,85
1	Chi đầu tư cho các dự án		25.839.362.025	25.839.362.025	
	Trong đó:				
1.1	Chi quốc phòng				
1.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội				
1.3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		263.033.000	263.033.000	
1.4	Chi văn hóa thông tin		668.809.000	668.809.000	
1.5	Chi thể dục thể thao		136.507.000	136.507.000	
1.6	Chi bảo vệ môi trường		21.911.000	21.911.000	
1.7	Chi các hoạt động kinh tế		24.139.283.025	24.139.283.025	
1.8	Chi hoạt động quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		59.819.000	59.819.000	
1.9	Chi bảo đảm xã hội		550.000.000	550.000.000	
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	31.572.015.000	200.895.751.876	169.323.736.876	636,31
	Trong đó:				
1	Chi quốc phòng	249.000.000	1.401.938.300	1.152.938.300	563,03
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	2.000.720.000	3.062.238.800	1.061.518.800	153,06
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	120.000.000	89.738.128.806	89.618.128.806	74.781,77
4	Chi khoa học và công nghệ				
5	Chi y tế, dân số và gia đình	234.731.000	2.636.270.100	2.401.539.100	1.123,10
6	Chi văn hóa thông tin	408.000.000	2.024.502.098	1.616.502.098	496,20
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	272.000.000	352.896.000	80.896.000	129,74
8	Chi thể dục thể thao	272.000.000	281.409.000	9.409.000	103,46
9	Chi bảo vệ môi trường	577.782.000	2.987.930.220	2.410.148.220	517,14
10	Chi các hoạt động kinh tế	3.302.375.000	8.444.432.484	5.142.057.484	255,71
11	Chi hoạt động quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	22.450.594.000	62.179.050.088	39.728.456.088	276,96
12	Chi bảo đảm xã hội	1.578.827.000	27.711.473.680	26.132.646.680	1.755,19
13	Chi khác	105.986.000	75.482.300	-30.503.700	71,22
14	Chi trợ giá các mặt hàng chính sách				
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)				
V	Dự phòng ngân sách	426.172.000			
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	44.300.000			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		37.290.306.127	37.290.306.127	
D	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		142.799.000	142.799.000	